



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Số 23

Ngày 01 tháng 4 năm 2011

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 09-3-2011 - Quyết định số 13/2011/QĐ-UBND phê duyệt Chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015. 03

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

- 03-3-2011 - Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND công bố văn bản hết hiệu lực thi hành. 40

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

- 03-3-2011 - Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh. 43
- 03-3-2011 - Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh. 53

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

14-3-2011 - Chỉ thị số 09/CT-UBND về tổ chức phát động phong trào thi đua yêu nước năm 2011. 64

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2011/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH**Phê duyệt Chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp
theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố
giai đoạn 2011 - 2015****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Thành ủy khóa IX;

Căn cứ Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2011 của Ủy

ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách thành phố năm 2011;

Căn cứ Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Căn cứ Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt “Đề án phát triển nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2025”;

Xét Tờ trình số 173/TTr-SNN-KHTC ngày 15 tháng 02 năm 2011 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt “Chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 – 2015” (kèm theo Quyết định này).

Điều 2.

Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở - ngành, quận - huyện liên quan và các cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố để triển khai chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015 theo quyết định phê duyệt; phối hợp với các Sở, ngành, các quận, huyện có sản xuất nông nghiệp nghiên cứu, xây dựng chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị thành phố giai đoạn 2011 - 2015 trình Ủy ban nhân dân thành phố.

Ủy ban nhân dân quận - huyện có sản xuất nông nghiệp: tổ chức quy hoạch các vùng nông nghiệp ổn định, quy hoạch các loại cây trồng vật nuôi trên địa bàn, hoàn thành trong năm 2011. Xây dựng cụ thể để triển khai thực hiện chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi có hiệu quả kinh tế, nhằm nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho nông dân.

Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các quận, huyện và Sở, ngành liên quan cân đối, đề xuất Ủy ban

nhân dân thành phố phân bổ kế hoạch vốn đầu tư, dự toán chi ngân sách hàng năm đảm bảo tiến độ chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi trong giai đoạn 2011 - 2015.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các cơ quan đoàn thể thành phố, các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện có sản xuất nông nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trung Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH

Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2011/QĐ-UBND
ngày 09 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA CHƯƠNG TRÌNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG NÔNG NGHIỆP ĐÔ THỊ GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

1. Sự cần thiết:

Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thành phố nói chung và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn nói riêng đã được Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần VIII xác định là 1 trong 5 chương trình đòn bẩy của thành phố. Qua 5 năm thực hiện chương trình, trong bối cảnh chịu tác động của khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu nhưng kinh tế - xã hội và nông nghiệp, nông thôn của thành phố đã đạt được nhiều thành tựu tích cực, cơ cấu kinh tế thành phố và cơ cấu cây trồng, vật nuôi đã chuyển dịch đúng định hướng.

Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thành phố đã được Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần IX xác định là 1 trong 6 chương trình trọng điểm trong giai đoạn 2010 - 2015, nên chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn là một phần quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế chung của thành phố, đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2010 - 2020 theo Quyết định số 800/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Giai đoạn 2011 - 2015, thành phố tập trung triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần XI, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần IX với mục tiêu nhiệm vụ chung là khai thác tốt nhất tiềm năng, lợi thế, tập trung các nguồn lực để đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tốc độ và chất lượng tăng trưởng kinh tế;

tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Phát triển nông nghiệp đô thị hiện đại, bền vững, tăng cường ứng dụng công nghệ sinh học, tập trung sản xuất cây giống, con giống, rau an toàn, hoa cây kiểng, cá kiểng. Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện chiến lược biển, chương trình xây dựng nông thôn mới văn minh, giàu đẹp.

2. Cơ sở pháp lý thực hiện chương trình:

- Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020.

- Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Thành ủy khóa IX.

- Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

- Quyết định số 28/2008/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố (khóa VIII) về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020;

- Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

- Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt “Đề án phát triển nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2025”;

- Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách thành phố năm 2011.

II. MỘT SỐ DỰ BÁO:

1. Mặt thuận lợi:

- Đã có Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Thành ủy khóa IX với những định hướng rõ ràng, cụ thể. Thành phố tiếp tục chỉ đạo, triển khai Quyết định số

10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X; đặc biệt là chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 theo 19 tiêu chí quốc gia của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009).

- Trung ương và thành phố luôn quan tâm, chỉ đạo kịp thời công tác phòng, chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, vệ sinh an toàn thực phẩm, công tác phòng, chống thiên tai, lụt, bão, cứu hộ, cứu nạn; cải thiện và khắc phục ô nhiễm môi trường.

- Thành phố đã phê duyệt và triển khai Quy hoạch sản xuất nông nghiệp; đề án phát triển nông nghiệp đô thị đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025, là cơ sở để nông dân yên tâm đầu tư phát triển sản xuất.

- Kinh nghiệm và hiệu quả từ chương trình và chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp giai đoạn 2006 - 2010; các chương trình phát triển giống cây giống con chất lượng cao, rau an toàn, bò sữa đến năm 2010... đã được nhiều nông dân tích cực hưởng ứng, tham gia và phát triển theo đúng định hướng.

- Một số chủ trương, chính sách hỗ trợ nông nghiệp, nông dân của Trung ương và thành phố sẽ được điều chỉnh, bổ sung, tạo điều kiện để nông dân phát triển sản xuất, hạ giá thành và nâng cao sức cạnh tranh nông sản như chính sách hỗ trợ lãi vay cho nông dân, cư dân nông thôn để chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi; hỗ trợ nông dân mua máy móc, thiết bị cơ giới, hỗ trợ người nghèo xây dựng, sửa chữa nhà ở; chương trình kích cầu, chính sách miễn giảm thủy lợi phí, miễn thu quỹ phòng chống lụt bão, hỗ trợ xây dựng công trình vệ sinh môi trường nông thôn, tăng cường cán bộ có trình độ đại học cho các hợp tác xã...

- Các chương trình đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội của thành phố sẽ phát huy hiệu quả, tăng điều kiện sản xuất, sinh hoạt và đời sống của người dân khu vực nông thôn, ngoại thành. Năng lực và trình độ sản xuất của nông dân sẽ được nâng cao hơn, thông qua các chương trình, dự án đầu tư, hoạt động khuyến nông chuyển giao tiến bộ khoa học, tư vấn hỗ trợ nông dân.

2. Khó khăn, thách thức:

- Đắt canh tác của nông dân, lao động nông nghiệp giảm dần và chuyển đổi ngành nghề. Theo quy hoạch sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn đến năm

2020, tầm nhìn đến năm 2025 đã được phê duyệt theo Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009, dự kiến quỹ đất nông nghiệp đến năm 2015 còn 95.429 ha, trong đó: đất sản xuất nông nghiệp: 48.183 ha, đất lâm nghiệp: 36.286 ha (không kể 5.260 ha cây lâm nghiệp trồng phân tán), đất nuôi trồng thủy sản: 8.608 ha, đất nông nghiệp khác: 1.352 ha, đất ruộng muối: 1.000 ha.

- Giá cả các loại nguyên nhiên vật liệu, thức ăn gia súc luôn biến động, ảnh hưởng đến chi phí sản xuất, giá thành nông sản và hiệu quả sản xuất của nông dân.

- Dịch bệnh trên gia súc, gia cầm, dịch hại trên cây trồng diễn biến phức tạp, phải luôn phòng, chống nguy cơ lây lan từ các tỉnh.

- Diễn biến bất thường của thời tiết, thiên tai, phát sinh ô nhiễm chưa được kiểm soát chặt chẽ, hiệu quả.

- Các dịch vụ và cơ sở hạ tầng hỗ trợ sản xuất nông nghiệp và nông thôn chậm phát triển; các chuỗi liên kết từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ mới hình thành, chưa chặt chẽ, hệ thống phân phối, tiếp thị nông sản ở ngoại thành còn nhiều hạn chế.

III. ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM VỤ - MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2011 - 2015:

1. Nhiệm vụ:

1.1. Nhiệm vụ chung:

- Tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần 2 Thành ủy khóa IX.

- Tăng cường chỉ đạo, tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban chấp hành TW Đảng khóa X (Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố).

- Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động số 24-CTr/TU ngày 26 tháng 10 năm 2007 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Ban chấp hành TW Đảng khóa X về chiến lược biển Việt Nam trên địa bàn thành phố (Quyết định số 28/2008/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố).

- Tập trung thực hiện, hoàn thành đúng tiến độ chương trình thí điểm xây dựng 6 xã nông thôn mới theo chủ trương của Trung ương, Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố (đặc biệt là xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi). Triển khai chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 theo Quyết định số 800/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đến năm 2015 hoàn thành 25 xã.

- Tiếp tục chủ động thực hiện quyết liệt, đồng bộ và có hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và dịch hại trên cây trồng. Công tác phòng, chống thiên tai, lụt, bão, cứu hộ, cứu nạn, công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng, chống cháy rừng, động vật hoang dã...

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm có nguồn gốc động vật, thực vật, thủy sản...

1.2. Nhiệm vụ cụ thể:

1.2.1. Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, theo các chương trình giống cây, giống con chất lượng cao, phát triển rau an toàn, bò sữa, thủy sản, hoa - cây cảnh - cá kiểng, cá sấu...; các đề án nâng cao chất lượng quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm đối với nông sản thực phẩm, đề án giám sát dịch tễ; bảo vệ và phát triển các loại rừng, cây xanh; chương trình khuyến nông, chuyển giao và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ cho các hộ sản xuất nông nghiệp...

1.2.2. Phát huy hiệu quả cơ sở hạ tầng kỹ thuật nông nghiệp, thủy lợi, các công trình phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp đã đầu tư, đồng thời tập trung đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng, đưa vào khai thác sử dụng có hiệu quả các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng trọng điểm:

- Dự án đầu tư Khu Nông nghiệp công nghệ cao (88 ha); triển khai đầu tư 2 - 3 dự án Khu Nông nghiệp công nghệ cao về chăn nuôi, thủy sản (2011 - 2015).

- Dự án xây dựng Trung tâm Công nghệ sinh học (hoàn thành năm 2014).

- Dự án xây dựng Trung tâm Giao dịch và Triển lãm sản phẩm nông nghiệp (hoàn thành năm 2013).

- Dự án xây dựng Trung tâm Thủy sản thành phố (hoàn thành năm 2015).

- Các dự án thủy lợi tiêu thoát nước:

+ Các dự án đê bao ven sông Sài Gòn (thuộc huyện Củ Chi, quận Thủ Đức).

+ Dự án tiêu thoát nước kênh Tham Lương - Bến Cát - Rạch Nước Lên, trạm xử lý nước thải.

+ Các dự án theo quy hoạch thủy lợi chống ngập úng khu vực thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 1547/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các công trình, dự án tiêu thoát nước, phòng chống ngập, triều cường kết hợp giao thông nông thôn.

+ Các dự án đầu tư hạ tầng các xã nông thôn mới theo 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia.

1.2.3. Thực hiện có hiệu quả các chương trình phát triển nông thôn:

- Tập trung thực hiện, hoàn thành đúng tiến độ chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới tại 6 xã theo chủ trương của Trung ương, Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố. Trong đó: xã Tân Thông Hội hoàn thành trong năm 2011; các xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè và xã Lý Nhơn, huyện Cần Giờ hoàn thành trong năm 2012. Đối với 52 xã còn lại, phấn đấu đến năm 2015 hoàn thành 22/52 xã; 30 xã còn lại đạt từ 10/19 tiêu chí trở lên.

- Xây dựng và thực hiện chương trình nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2011 - 2015, phấn đấu toàn bộ hộ dân khu vực nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh và có nhà tiêu hợp vệ sinh; hầu hết các hộ chăn nuôi gia súc có hầm biogas xử lý chất thải.

- Phối hợp với đơn vị liên quan của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thành và nhân rộng hiệu quả của Dự án Phát triển nông thôn mới huyện Củ Chi giai đoạn 2; các dự án nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và phát triển khí sinh học; (QSEAP-BPD), dự án nâng cao năng lực cạnh tranh ngành chăn nuôi thành phố (LIFSAP)....

- Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế hợp tác trong nông nghiệp.

- Nghiên cứu xây dựng kế hoạch triển khai thí điểm thực hiện bảo hiểm nông nghiệp.

- Tiếp tục nghiên cứu, thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích và tạo điều kiện để phát triển các thành phần kinh tế trong nông nghiệp, nông thôn.

1.2.4. Triển khai thực hiện các đề án, dự án phát triển nguồn nhân lực:

+ Tiếp tục đào tạo cán bộ nông nghiệp cho các xã có sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố; đào tạo nghề cho nông dân phục vụ chương trình xây dựng nông thôn mới, chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp và nông dân bị thu hồi đất sản xuất.

+ Tiếp tục Đề án phát triển ngành nghề nông thôn theo Nghị định số 66/2006/NĐ-CP của Chính phủ.

1.2.5. Triển khai chương trình xúc tiến thương mại, tiêu thụ nông sản, hội nhập kinh tế thế giới và khu vực:

- Tiếp tục thực hiện chương trình hành động của Bộ Nông nghiệp và PTNT thực hiện chương trình hành động của Chính phủ khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức

Thương mại thế giới WTO (Quyết định số 3165/QĐ-BNN-HTQT ngày 16 tháng 11 năm 2007); đề án xúc tiến thương mại sản phẩm nông nghiệp thành phố giai đoạn 2011 - 2015.

- Đề án phát triển các ngành dịch vụ nông nghiệp; nhân rộng ứng dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) trong sản xuất nông nghiệp, thủy sản.

- Đề án tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm; công tác thông tin tuyên truyền, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng các loại hóa chất, thuốc trừ sâu, chất kháng sinh trong sản xuất và chế biến nông thủy sản.

2. Mục tiêu:

2.1. Mục tiêu chung:

- Phát triển nông nghiệp thành phố theo hướng nông nghiệp đô thị hiện đại, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, ổn định, bền vững; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp bình quân giai đoạn 2011 - 2015 đạt trên 6%/năm, giá trị gia tăng trên 5%/năm. Giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha đạt 220 triệu đồng/năm.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp; kinh tế nông thôn và chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo quy hoạch; hình thành và phát triển những vùng sản xuất giống chất lượng cao, sản xuất nông sản hàng hóa tập trung và chuyên canh; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới, nhất là công nghệ sinh học để lai tạo giống, nâng cao năng suất, chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và khả năng cạnh tranh của nông sản.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2015:

Tiếp tục giảm diện tích trồng lúa kém hiệu quả ở các vùng có nguy cơ bị tác động của biến đổi khí hậu để chuyển sang cây trồng khác: phấn đấu giai đoạn 2011 - 2015 giảm diện tích trồng lúa từ 3.500 - 4.000 ha. Đến năm 2015:

- Hoa - cây kiểng: trên 2.100 ha.
- Cá kiểng: trên 100 triệu con.
- Diện tích gieo trồng rau trên 15.000 ha
- Diện tích trồng cỏ thức ăn gia súc 3.500 ha.
- Duy trì đàn bò sữa ở mức 80.000 con, đàn heo khoảng 300.000 con.
- Tôm các loại: trên 10.000 tấn.

- Đàn cá sấu: 195.000 con.

- Ổn định và nâng cao năng suất, chất lượng muối Cần Giờ.

- Hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh ở nông thôn ngoại thành: 100%; hộ dân nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh: 100%; hộ chăn nuôi xây dựng hầm biogas xử lý chất thải: 90%.

- Độ che phủ rừng và cây xanh trên địa bàn thành phố: 40%, trong đó độ che phủ rừng và cây lâm nghiệp 19,1%.

IV. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU:

1. Các giải pháp về quy hoạch và đầu tư, đồng bộ hóa cơ sở hạ tầng:

1.1. Về quy hoạch, kế hoạch sản xuất nông nghiệp:

- Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quy hoạch sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025; Quyết định số 2011/2010/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt chương trình phát triển nông nghiệp đô thị đến năm 2020, tầm nhìn năm 2025 và kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới theo Quyết định số 800/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, các quận, huyện khẩn trương tổ chức nghiên cứu xây dựng các loại quy hoạch: khoanh vùng xác định các vùng sản xuất nông nghiệp ổn định đến năm 2020, 2025; quy hoạch chi tiết các vùng sản xuất giống cây, giống con, các loại cây trồng, vật nuôi, vùng sản xuất nông sản hàng hóa. Tổ chức công khai, phổ biến các quy hoạch được phê duyệt và quản lý chặt chẽ các vùng nông nghiệp ổn định.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thành việc nghiên cứu, xây dựng và trình thành phố phê duyệt các quy hoạch chuyên ngành (chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, muối). Xây dựng, triển khai chương trình phát triển các loại nông sản chủ yếu đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020 như giống cây, giống con chất lượng cao, rau an toàn, hoa - cây kiểng - cá cảnh, bò sữa, nuôi heo, cá sấu, nuôi chim yến, phát triển mở rộng các khu nông nghiệp công nghệ cao, làng nghề nông thôn.... Tổ chức điều tra, xây dựng (và cập nhật hàng năm) cơ sở dữ liệu về các loại đất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, sản xuất muối, đất nông nghiệp khác; tình hình sản xuất các loại nông sản chủ yếu, cơ sở dịch vụ về giống, phân bón, vật tư nông nghiệp, kinh doanh, sơ chế, tiêu thụ, xuất nhập khẩu nông sản trên địa bàn thành phố.

- Xây dựng và triển khai các chương trình cụ thể về phòng, chống các loại dịch

bệnh gia súc (lở mồm long móng, PRRS), cúm gia cầm, rầy nâu, bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá hại lúa, bệnh tôm, cá và các loại dịch bệnh khác.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành liên quan và các quận huyện hướng dẫn, hỗ trợ các huyện, xã hoàn thành việc lập, phê duyệt các loại quy hoạch theo tiêu chí số 1 ban hành kèm theo Quyết định số 491/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới (hoàn thành trong năm 2011) theo chủ trương của Trung ương và thành phố về chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới (Quyết định số 800/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ).

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Quy hoạch - Kiến trúc và các quận, huyện hoàn thành sớm công tác kiểm kê đất đai năm 2010, xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhất là đất nông nghiệp đến năm 2015, năm 2020 theo chỉ đạo của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân thành phố.

1.2. Về đầu tư cơ sở hạ tầng, kỹ thuật nông nghiệp:

- Các quận huyện hỗ trợ các chủ đầu tư tập trung chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn, nhất là công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ đầu tư các công trình, dự án trọng điểm như Khu Nông nghiệp công nghệ cao, Trung tâm Giao dịch, Triển lãm nông sản thành phố, Trung tâm Công nghệ sinh học, Trung tâm Thủy sản thành phố; các công trình phòng, chống lụt, bão, triều cường, xâm nhập mặn kết hợp giao thông nông thôn...

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, triển khai các giải pháp để nâng cao hiệu quả khai thác cơ sở vật chất đã được đầu tư của Trung tâm Quản lý, Kiểm định giống cây trồng, vật nuôi; Trạm Kiểm dịch thực vật nội địa, Trạm kiểm dịch Thủy sản Cần Giờ và các công trình phục vụ chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi...

- Công tác khuyến nông: tập trung thực hiện các chương trình giống cây, giống con, rau an toàn, hoa cây kiểng. Tập trung cho 58 xã ngoại thành, các xã thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới, cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp (chăn nuôi, trồng trọt).

- Phối hợp, hỗ trợ các quận, huyện đầu tư đồng bộ hóa cơ sở hạ tầng nông nghiệp và nông thôn theo tiêu chí quốc gia về nông thôn mới ban hành theo Quyết định số 491/QĐ-TTg, trọng tâm là công trình thủy lợi, điện, giao thông nông thôn,

các cơ sở bảo quản và chế biến sau thu hoạch; kiên cố hóa hệ thống thủy lợi nội đồng tại các xã nông thôn mới, xã phát triển nông thôn toàn diện.

- Nghiên cứu và thực hiện các biện pháp ứng phó, thích nghi với biến đổi khí hậu; nước biển dâng, ngập úng, triều cường, cải tạo, bồi dưỡng đất sản xuất; hạn chế ảnh hưởng xâm nhập mặn; chống xói lở ...

- Chủ động phối hợp với các Sở ngành (nhất là Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính) và các quận, huyện thực hiện có hiệu quả chủ trương của Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố về tăng vốn ngân sách đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn, tăng vốn phân cấp cho ngoại thành theo Chương trình hành động số 43-CTr/TU ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Thành ủy, Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố. Phối hợp với Trung tâm chống ngập, các Sở, ngành và quận, huyện tổ chức thực hiện quy hoạch thủy lợi chống ngập theo quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 1547/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2008); xây dựng và triển khai chương trình bảo vệ, cải thiện môi trường tại các vùng sản xuất nông nghiệp.

2. Các giải pháp về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ngoại thành:

Tiếp tục tập trung triển khai Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 43-CTr/TU ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp - nông dân - nông thôn. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Phối hợp với các Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Quy hoạch - Kiến trúc và quận, huyện triển khai chương trình phát triển nông nghiệp đô thị, phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ phục vụ nông nghiệp ở nông thôn.

- Phối hợp với Liên minh Hợp tác xã thành phố triển khai chương trình phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn đến năm 2020, chương trình xây dựng mô hình hợp tác xã nông nghiệp, dịch vụ ở nông thôn. Tăng cường đầu tư, hỗ trợ để củng cố, phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn; đổi mới để nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ ở nông thôn.

- Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phát triển nông nghiệp sinh thái gắn với du lịch, cảnh quan nông nghiệp, nông thôn, ngoại thành.

- Tổ chức thực hiện chương trình phát triển công nghệ sinh học, các đề án tăng cường và nâng cao chất lượng các hoạt động khuyến nông; chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất nông nghiệp; đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, tạo đột phá để công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn; đề án phát triển cơ khí hóa nông nghiệp; đầu tư nhân rộng các mô hình sản xuất theo GAP.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Trung ương và thành phố về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, nghiên cứu thực hiện giải pháp phù hợp để huy động các nguồn lực đẩy nhanh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn ngoại thành; khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp, tổ hợp tác sản xuất và hộ nông dân liên kết chặt chẽ với các nhà khoa học, cơ quan nghiên cứu, cơ quan quản lý nhà nước, tiêu thụ sản phẩm thông qua hợp đồng (khắc phục các tồn tại trong thời gian qua).

3. Các giải pháp về phát triển nguồn nhân lực và nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước chuyên ngành:

3.1. Tiếp tục củng cố, tổ chức lại hệ thống khuyến nông, tư vấn hỗ trợ, xúc tiến thương mại nông sản: theo hướng tăng hiệu quả và gắn liền người sản xuất - cán bộ nông nghiệp - nhà doanh nghiệp, ký kết hợp đồng tư vấn, hợp tác sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên cơ sở các bên cùng có lợi.

- Đổi mới nội dung, phát triển các hoạt động khuyến nông, khuyến ngư trong việc tổ chức tập huấn, huấn luyện, chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ để nâng cao trình độ sản xuất của nông dân và hộ sản xuất nông nghiệp, đảm bảo các hộ nông dân thực hiện chuyển đổi và nông dân các xã xây dựng nông thôn mới được tập huấn đầy đủ các quy trình, thủ tục về sản xuất và vay vốn để đầu tư.

- Đẩy mạnh hợp tác, liên kết giữa các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp, Trường đại học, Viện nghiên cứu... với nông dân, hộ sản xuất và với vùng nguyên liệu trong công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ sinh học, giống mới, công nghệ sau thu hoạch và giải quyết cơ bản vấn đề tiêu thụ nông sản phẩm thông qua hợp đồng.

- Tổ chức đào tạo, nâng cao trình độ, năng lực, hiệu quả hoạt động của mạng lưới cộng tác viên cơ sở, đảm bảo nắm vững và thông tin kịp thời tình hình sản xuất nông nghiệp trên địa bàn, phối hợp chặt chẽ với địa phương trong các hoạt động, kế hoạch triển khai các chương trình mục tiêu chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nhất là chuyển đổi diện tích trồng lúa kém hiệu quả.

- Đầu tư nâng cấp Trường Trung cấp Kỹ thuật nông nghiệp thành Trường Cao đẳng Kinh tế kỹ thuật nông nghiệp để đào tạo và nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ quản lý nông nghiệp cấp xã - phường, Hợp tác xã nông nghiệp, Tổ hợp tác sản xuất; bổ sung và nâng cao chương trình đào tạo công nhân các ngành trồng trọt (rau, hoa - cây cảnh, sinh vật cảnh), chăn nuôi (gia súc, một số động vật hoang dã), lâm nghiệp (trồng, quản lý, bảo vệ rừng), thủy sản (cá cảnh), sản xuất và chế biến muối, chế biến nông sản, thực phẩm, ngành nghề truyền thống, quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn, quy trình GAP, ISO, HACCP.

3.2. Củng cố, tăng cường năng lực bộ máy của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn từ thành phố đến quận, huyện, phường, xã phù hợp với chức năng, nhiệm vụ trong thời kỳ mới. Tập trung:

- Tăng cường phối hợp với các ngành, các địa phương để thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra về chất lượng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, thủy sản, thức ăn chăn nuôi, các loại giống cây trồng vật nuôi, thủy sản và vệ sinh an toàn thực phẩm theo chủ trương của Trung ương và thành phố. Tăng cường phối hợp với các Sở, ngành, địa phương trong việc kiểm tra, kiểm soát để xử lý các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm nguồn nước khu vực sản xuất nông nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện chương trình cải cách hành chính của thành phố; quản lý và điều hành bộ máy cơ quan văn phòng Sở theo tiêu chuẩn ISO và quy chế 1 cửa, triển khai tại tất cả các đơn vị thuộc Sở; phối hợp với các quận, huyện có sản xuất nông nghiệp củng cố tổ chức và nâng cao trình độ cán bộ quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn ở địa phương, đảm bảo năng lực thực hiện chương trình và chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị giai đoạn 2011 - 2015 và các năm tiếp sau.

- Cải tiến và nâng cao năng lực cập nhật thông tin tiến độ sản xuất, xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê đến phường, xã; kịp thời cập nhật tình hình bỏ hoang hóa đất canh tác, những chuyển biến trong sản xuất nông nghiệp đô thị. Cụ thể: nâng cao năng lực của các cộng tác viên thuộc các đơn vị như Chi cục Thú y, Chi cục Bảo vệ thực vật, Chi cục Quản lý chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Trung tâm Khuyến nông để phối hợp chặt chẽ với các phòng chức năng quận, huyện trong việc thu thập, cập nhật thông tin; đảm bảo tính chính xác và thống nhất của nguồn thông tin, số liệu đồng thời cải tiến phương pháp thu thập cơ sở dữ liệu tại địa phương, xây dựng cơ sở dữ liệu từ xã, phường đến quận, huyện một cách đồng bộ và thống nhất.

3.3. Nâng cao năng lực pháp chế, hiệu quả công tác cải cách hành chính:

- Định kỳ rà soát các văn bản pháp quy của ngành và thành phố để kịp thời đề xuất với cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành và quy định của pháp luật.

- Xây dựng, trình cấp thẩm quyền ban hành các quy định về việc kiểm soát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt (GAP) trong trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản, quy định về chăn nuôi an toàn, quy định về chuồng trại cá sấu... nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về an toàn dịch bệnh các loại cây trồng, vật nuôi, vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Ứng dụng ISO trong các khâu quản lý, biên soạn và phát hành các văn bản pháp quy và dịch vụ công, tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh giống, ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp.

3.4. Tổ chức thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Trung ương và thành phố về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, xây dựng nông thôn mới:

- Tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với kinh tế tập thể, đặc biệt trong các lĩnh vực sản xuất dịch vụ về giống; dịch vụ phục vụ sản xuất, tiêu thụ, chế biến nông lâm thủy hải sản.

- Tổ chức triển khai đồng bộ chính sách khuyến khích, hỗ trợ nông dân chuyển đổi đất trồng lúa hiệu quả thấp để trồng các loại cây khác, nuôi thủy sản có hiệu quả kinh tế cao hơn; chính sách hỗ trợ phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn theo Nghị quyết số 07/2007/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố về miễn thu thủy lợi phí, miễn giảm thu quỹ phòng chống lụt bão, tăng mức ngân sách hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình vệ sinh môi trường nông thôn (nhà vệ sinh, hầm biogas), tăng cường 2 cán bộ có trình độ đại học cho mỗi hợp tác xã nông nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ nông dân mua máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến nông sản.

4. Các giải pháp về kỹ thuật:

Tập trung các giải pháp để tiếp tục phát triển mạnh các loại cây con và nông sản chủ yếu theo hướng nông nghiệp công nghệ cao; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, ổn định, bền vững; chuyên giao tiến bộ khoa học công nghệ; đảm bảo yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm có nguồn gốc động vật, thực vật, thủy sản (sử dụng hóa chất, thuốc trừ sâu, các chất kháng sinh trong sản xuất, chế biến...). Xây dựng và thực hiện đồng bộ các biện pháp bảo vệ sản xuất, phòng chống dịch, phòng chống úng ngập,

quản lý, bảo vệ và phòng chống cháy rừng, phát triển rừng và mảng cây xanh thành phố; chương trình quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm đối với nông sản thực phẩm trên địa bàn thành phố, phát triển cơ giới hóa... Cụ thể:

4.1. Các giải pháp chủ yếu phát triển giống cây, giống con chất lượng cao:

4.1.1. Về khoa học công nghệ:

- Đầu tư phát triển các khu nông nghiệp công nghệ cao, trước mắt hoàn chỉnh và khai thác có hiệu quả khu nông nghiệp công nghệ cao ở Củ Chi, đầu tư mới các khu nông nghiệp công nghệ cao khác như: thủy sản Hào Võ - Cần Giờ, trại thực nghiệm Bò sữa công nghệ cao (hợp tác Israel), khai thác trại giống thủy sản Phước Hiệp và An Phú - Củ Chi, trại Bò An Phú - Củ Chi, các trại Heo giống - Củ Chi, trại giống Cây trồng Đồng Tiến - Củ Chi.... Tập trung đầu tư xây dựng Trung tâm Công nghệ sinh học (quận 12).

- Tạo điều kiện và ủng hộ các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học; nhập khẩu công nghệ mới; tiếp nhận và ứng dụng kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước để sản xuất, lai tạo giống mới và sản xuất giống chất lượng cao.

- Tăng cường đầu tư công tác sưu tập, bảo tồn, phục tráng các giống địa phương.

4.1.2. Tiếp tục củng cố, phát triển hệ thống sản xuất và dịch vụ về các loại giống:

- Phát triển mạng lưới các cơ sở sản xuất, cung ứng giống, chuyển giao kỹ thuật canh tác, nuôi trồng và phát triển sản xuất. Phân đầu đến năm 2015 có trên 50% các loại giống sản xuất trên địa bàn thành phố đạt tiêu chuẩn chất lượng cao, sạch bệnh.

- Thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất, nhân giống; giữ vững vị thế trung tâm giống của cả nước. Phối hợp với viện, trường, các doanh nghiệp sản xuất giống tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo chuyên môn, kỹ thuật ương, nhân giống cho các tổ hợp tác, hợp tác xã.

- Thí điểm và từng bước doanh nghiệp hóa, cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp nhà nước nghiên cứu, sản xuất, dịch vụ về giống.

4.1.3. Tăng cường công tác khuyến nông, tư vấn và hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp ứng dụng giống mới, chuyển giao kỹ thuật về giống:

- Tổ chức đồng bộ và hiệu quả hệ thống sản xuất - cung ứng giống để chuyển giao giống mới đến nông dân nhanh chóng, kịp thời với giá cả hợp lý.

- Tổ chức thử nghiệm sự thích nghi giống mới trên địa bàn để khuyến cáo kịp thời việc sử dụng giống hiệu quả và hợp lý cho nông dân. Tập huấn, chuyển giao đồng bộ giống mới, quy trình sản xuất phù hợp. Đổi mới và đa dạng hóa công tác chuyển giao giống mới và các biện pháp kỹ thuật.

- Định kỳ tổ chức phiên chợ, hội chợ, hội thi, đấu xảo giống để nhanh chóng giới thiệu các giống mới đến nông dân trong và ngoài thành phố; khuyến khích nông dân sử dụng giống có nguồn gốc, nhãn hiệu rõ ràng.

- Xây dựng thương hiệu và chỉ dẫn địa lý một số giống cây trồng, vật nuôi. Thường xuyên thông tin thị trường, nhu cầu giống theo mùa vụ; cung cấp địa chỉ các doanh nghiệp, cơ sở, trại giống có chất lượng đến bà con nông dân.

4.1.4. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về giống đảm bảo kiểm soát được giống cây trồng, giống vật nuôi cả về chủng loại và số lượng.

- Tổ chức khảo nghiệm và kiểm nghiệm các loại giống theo phân cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Thực hiện chế độ thanh tra, kiểm tra định kỳ các cơ sở sản xuất - kinh doanh giống để có biện pháp chấn chỉnh kịp thời về chất lượng giống.

- Đẩy mạnh hoạt động công nhận, chứng nhận chất lượng sản phẩm hàng hoá phù hợp thông lệ quốc tế và phục vụ tốt các yêu cầu của quản lý nhà nước.

- Hướng dẫn các đơn vị sản xuất kinh doanh giống công bố tiêu chuẩn chất lượng giống và công khai các thủ tục tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

- Hỗ trợ và khuyến khích các tổ chức cá nhân trong nước đăng ký bảo hộ bản quyền các giống nghiên cứu thành công trong nước theo phân cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4.1.5. Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật và trình độ chuyên môn của cán bộ quản lý giống phù hợp với yêu cầu của hội nhập quốc tế và khu vực.

- Đào tạo trong nước và nước ngoài về công tác khảo kiểm nghiệm giống, giống GMO, GMC (GMO: Genetically Modified Organism; GMC: Genetic Modification Containment); việc tăng cường và kiện toàn các ứng dụng kỹ thuật phân tử trong kiểm tra quản lý chất lượng giống, kiểm nghiệm giống GMO và bảo hộ bản quyền tác giả về giống.

- Đào tạo, nâng cao nghiệp vụ sử dụng và quản lý hệ thống phần mềm: BLUP,

VDM, DHI,... cho đội ngũ kỹ thuật làm công tác giống và quản lý giống vật nuôi, thủy sản của Trung tâm Quản lý Kiểm định giống và các cơ sở sản xuất giống. Hình thành trung tâm tích hợp cơ sở dữ liệu đánh giá di truyền giống heo.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn các văn bản pháp quy để giúp các doanh nghiệp hiểu đúng, đủ và thực hiện đúng các quy định Nhà nước; nâng cao trình độ hiểu biết về giống cho nông dân.

4.2. Trong lĩnh vực trồng trọt:

Ngoài việc tạo chuyển biến mạnh công tác giống nêu trên, tập trung các giải pháp để nâng cao năng suất, hạ giá thành sản phẩm, sản xuất nông sản sạch, phòng chống sinh vật hại cây trồng, đảm bảo chất lượng, an toàn cho người tiêu dùng và chế biến, đảm bảo vệ sinh môi trường. Cụ thể:

- Tiếp tục tập trung triển khai hoàn thành mục tiêu các chương trình rau an toàn, hoa kiểng, trồng cỏ cao sản giai đoạn 2011 - 2015.

- Khuyến khích sử dụng giống lai F1, đảm bảo cung cấp giống chất lượng tốt, hạn chế dần phương thức tự đề giống trong nuôi trồng.

- Xây dựng và huấn luyện chuyển giao cho người nông dân các cẩm nang về kỹ thuật trồng, chăm sóc, thâm canh cho từng loại cây chuyển đổi chủ lực (các loại rau an toàn, hoa - cây kiểng...); cẩm nang kỹ thuật về thiết bị, công nghệ mới như màng phủ, nhà lưới, giống mới, hệ thống tưới tiết kiệm nước, tiêu thoát nước, thu hoạch, bảo quản...

- Xây dựng mô hình và xác định các công thức luân canh, xen canh hợp lý cho từng vùng sinh thái, đảm bảo việc tổ chức sản xuất hiệu quả, đáp ứng và phục vụ tốt cho nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng thành phố.

- Từng bước mở rộng chương trình sản xuất nông nghiệp tốt (GAP).

- Thực hiện có hiệu quả dự án nâng cao chất lượng, năng lực cạnh tranh sản phẩm trồng trọt và khí sinh học (QSEAP - BPD, vốn vay Ngân hàng Châu Á - ADB), dự án hỗ trợ của tổ chức SIDA (Canada), các mô hình sản xuất nông sản sạch (rau, cây ăn trái).

- Hỗ trợ nông dân, các tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp thực hiện có hiệu quả các biện pháp giảm tổn thất sau thu hoạch.

4.3. Trong lĩnh vực chăn nuôi:

Ngoài các giải pháp về giống vật nuôi, đẩy mạnh chăn nuôi theo hướng năng

suất cao, chi phí thấp, phát triển bền vững. Phát triển chăn nuôi gia súc (bò sữa, heo), các vật nuôi khác phù hợp với nông nghiệp đô thị như cá sấu, bò sát ... theo hướng chuyên nghiệp, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cải tiến chuồng trại chăn nuôi đảm bảo thông thoáng và có công trình xử lý chất thải (biogas). Cụ thể:

- Cải tiến phương thức chăn nuôi theo hướng tăng quy mô đàn trên từng hộ nuôi gia súc, xây dựng cơ cấu đàn hợp lý, thực hiện các quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng tiên tiến, có hiệu quả, tăng năng suất lao động, kiểm soát ô nhiễm môi trường.

- Tăng cường và thực hiện tốt, có hiệu quả công tác quản lý, kiểm định giống; ứng dụng các phương pháp, công nghệ mới để đánh giá tiềm năng di truyền.

- Chủ động tổ chức và nâng cao hiệu quả công tác phòng chống dịch, bảo vệ thú y, đảm bảo an toàn dịch tễ cho đàn gia súc, gia cầm và các loại vật nuôi khác; xây dựng vùng và cơ sở an toàn dịch bệnh; giảm chi phí điều trị, thuốc thú y để góp phần giảm giá thành, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

- Thực hiện các biện pháp kiểm soát chặt chẽ theo chủ trương không khuyến khích chăn nuôi gia cầm của thành phố, thực hiện chương trình vệ sinh an toàn thực phẩm, áp dụng quy trình thực hành sản xuất tốt (GAP) trong chăn nuôi, tạo sản phẩm chăn nuôi an toàn.

- Tiếp tục chiến lược phát triển chăn nuôi, bình ổn giá, dự án nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh (LIFSAP, vốn vay ngân hàng thế giới - WB), dự án đầu tư trại thực nghiệm nuôi bò sữa công nghệ cao hợp tác với Israel.

4.4. Trong lĩnh vực thủy sản:

Ngoài các giải pháp về giống thủy sản, tập trung thực hiện chương trình kinh tế biển và chiến lược biển theo chương trình hành động của Thành ủy và kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố, công tác phòng, chống dịch bệnh tôm, kiểm dịch giống thủy sản, cụ thể:

- Tiếp tục phát triển nghề nuôi tôm theo quy hoạch và hướng phát triển bền vững, năng suất cao quy trình GAP (tôm sú, tôm thẻ chân trắng); một số đối tượng thủy sản nước lợ, nước mặn tại huyện Nhà Bè, Cần Giờ, nuôi thủy sản nước ngọt ở khu vực kênh Đông Củ Chi, vùng ven sông Sài Gòn (Củ Chi, Hóc Môn, Thủ Đức), vùng ven sông Đồng Nai (Quận 9), Bình Chánh.

- Phát triển nghề nuôi và dịch vụ cá cảnh; các hình thức nuôi thủy sản công nghiệp, bán công nghiệp theo mô hình GAP. Đầu tư tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản vùng ven biển Cần Giờ.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm công tác kiểm tra tạp chất trong tôm nguyên liệu, kiểm tra dư lượng thuốc kháng sinh và vệ sinh an toàn thực phẩm các loại thủy hải sản theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân thành phố.

- Đầu tư hoàn chỉnh các dự án thủy lợi phục vụ nuôi thủy sản, tập trung cho vùng nuôi tôm ở huyện Cần Giờ.

4.5. Trong lĩnh vực lâm nghiệp:

- Tổ chức triển khai thực hiện đề án quản lý, bảo vệ, phát triển các loại rừng và mảng xanh thành phố đến năm 2020, đảm bảo mục tiêu tăng độ che phủ rừng (19,1%), độ che phủ rừng và cây xanh đến năm 2015 (trên 40%).

- Xây dựng kế hoạch và thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và phòng, chống cháy rừng theo các phương án cụ thể.

- Thực hiện có hiệu quả chương trình chuyên hóa rừng, trồng rừng mới; công tác phòng, chống sâu bệnh hại cây rừng; công tác quản lý giống cây lâm nghiệp, hướng dẫn nông dân sử dụng các loại giống cây lâm nghiệp có nguồn gốc rõ ràng để trồng rừng.

4.6. Trong lĩnh vực sản xuất muối:

Tổ chức quản lý và thực hiện quy hoạch các vùng sản xuất muối ở huyện Cần Giờ theo hướng ổn định, duy trì ở mức khoảng 1.000 ha; đẩy nhanh tiến độ đầu tư dự án cơ sở hạ tầng vùng muối xã Lý Nhơn, mở rộng sản xuất muối theo phương pháp kết tinh trên vải bạt.

5. Các giải pháp về xúc tiến thương mại, tiêu thụ nông sản, hội nhập kinh tế quốc tế, khu vực:

5.1. Tiếp tục củng cố các chuỗi ngành hàng đã hình thành; xây dựng các chuỗi rau, thịt, thủy sản an toàn, hình thành mối liên kết giữa người sản xuất với các kênh tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo sản phẩm được tiêu thụ kịp thời và quyền lợi của các bên liên quan. Tập trung các giải pháp để cải thiện, nâng cao hiệu quả các kênh phân phối đã hình thành, tăng sản lượng rau quả các hợp tác xã, các tổ hợp tác vào các siêu thị Metro Cash and Carry, Co.op Mart... và tiếp tục mở rộng các sản phẩm khác; từng bước nâng tỉ lệ nông sản tiêu thụ qua các doanh nghiệp, hợp tác xã, siêu thị; giảm dần hình thức người nông dân phân phối trực tiếp cho hộ tiêu dùng. Nhân rộng phương thức sản xuất, tiêu thụ theo các đơn đặt hàng từ nhu cầu thị trường, tạo nguồn thực phẩm cho thành phố, tham gia vào bình ổn giá cả.

5.2. Hướng dẫn các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa về giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản, các loại phân bón, thức ăn chăn nuôi... Tạo điều kiện và phát triển các hoạt động tư vấn, hỗ trợ nông dân trong công tác xúc tiến thương mại, tiêu thụ nông sản:

- Xây dựng và quản lý hệ thống thông tin thị trường nông sản (phối hợp Sở Công Thương và tiếp tục dự án của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), nối mạng với các chợ đầu mối, các tổ chức sản xuất kinh doanh, các Trung tâm giao dịch chuyên ngành nông nghiệp... để tiếp nhận thông tin, cung cấp lại thông tin các yếu tố đầu vào, đầu ra của sản xuất nông lâm ngư nghiệp đã được xử lý.

- Phối hợp với Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư thành phố (ITPC) và Sở Công Thương đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, tiêu thụ nông sản của nông dân.

- Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị liên quan nghiên cứu thực hiện chương trình hỗ trợ, xây dựng thương hiệu cho các loại nông sản đặc trưng của thành phố như rau an toàn, giống heo hướng nạc, giống bò sữa năng suất cao...; tổ chức các hội chợ, hội thi, triển lãm giống, sản phẩm nông lâm ngư nghiệp. Hỗ trợ và tạo điều kiện để các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất, các làng nghề và hộ nông dân tham gia, giới thiệu sản phẩm ở trong nước và nước ngoài.

5.3. Nâng cao nhận thức hội nhập kinh tế quốc tế và các cam kết của Chính phủ trong lĩnh vực nông nghiệp khi gia nhập WTO:

- Tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn đào tạo, nâng cao kỹ năng: tiếp thị, phân phối, nghiên cứu thị trường, quản lý chi tiêu, quản lý nguồn nhân lực cho các hợp tác xã, trang trại, doanh nghiệp vừa và nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp; báo cáo chuyên đề về WTO, các cam kết và ảnh hưởng đến ngành nông nghiệp khi Việt Nam gia nhập WTO, các biện pháp nâng cao năng lực cạnh tranh, các biện pháp tự vệ cần thiết, các vấn đề pháp lý liên quan đến tranh chấp thương mại trong WTO.

- Cập nhật, biên tập và in ấn các tài liệu tóm tắt về WTO có liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt là các sản phẩm nông nghiệp trọng điểm của thành phố để phổ biến đến các đơn vị trong ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn từ thành phố đến cơ sở, các hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ hợp tác, các hiệp hội chuyên ngành hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Duy trì hoạt động chuyên trang về nông thôn mới, nông nghiệp thành phố hội nhập WTO trên website của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để phổ biến và

cập nhật thường xuyên các thông tin có liên quan đến các cam kết, tác động và chủ trương của thành phố cũng như của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trong quá trình hội nhập, phát triển.

- Tổ chức nghiên cứu, tham gia các hoạt động khảo sát thị trường và tìm đối tác tiêu thụ nông sản: tập trung vào các thị trường như: Trung Quốc, Mỹ, EU đối với các sản phẩm nông nghiệp trọng điểm của thành phố (cá sấu, hoa, cá cảnh, rau...). Thông qua việc tham gia các đoàn xúc tiến thương mại của thành phố, của Ngành tại các hội chợ quốc tế và tổ chức kết nối giữa các doanh nghiệp trong nước và ngoài nước có liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp.

- Tổ chức nghiên cứu về các tác động cụ thể đối với từng lĩnh vực chuyên ngành, sản phẩm trọng điểm của ngành nông nghiệp khi gia nhập WTO: hoa, cây kiểng, rau an toàn, cá sấu, cá cảnh, tôm sú, heo giống, bò sữa... để điều chỉnh kịp thời chiến lược phát triển các sản phẩm nông nghiệp trọng điểm của thành phố đến năm 2025 và xây dựng, triển khai chương trình phát triển giai đoạn 2011 - 2015.

- Tăng cường hoạt động của hệ thống thông tin nông nghiệp để cung cấp các thông tin về thị trường đầu vào và đầu ra, các thông tin về sản phẩm nông nghiệp, về doanh nghiệp, các thông tin dự báo cho các nông hộ, các nhà sản xuất kinh doanh, các đơn vị kinh doanh xuất nhập khẩu và các nhà đầu tư trong và ngoài nước hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Nâng cấp và duy trì hoạt động trang web thông tin nông nghiệp bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

6. Các giải pháp về vốn - tín dụng - đầu tư:

6.1. Vốn ngân sách:

- Sở Tài chính phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, đề xuất thành phố để bổ sung và tăng kinh phí phân cấp đầu tư cho các quận, huyện theo chủ trương của Thành ủy (Chương trình hành động số 43-CTr/TU ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Thành ủy) và Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; trước mắt là bổ sung vốn, đảm bảo tiến độ đầu tư 6 xã trong chương trình thí điểm xây dựng nông thôn mới và 22 xã bổ sung trong giai đoạn 2011 - 2015, các công trình đê bao phòng, chống triều cường, ngập lụt, kết hợp với giao thông nông thôn.

- Tập trung và đầu tư đúng mức để hoàn thành chương trình, dự án cung cấp nước sạch nông thôn giai đoạn 2011 - 2015, chương trình vệ sinh môi trường nông

thôn đến năm 2015. Đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, khuyến nông; giống mới, giống gốc; đồng bộ hóa cơ sở hạ tầng kỹ thuật nông nghiệp, nông thôn (thủy lợi, trại sản xuất giống...); các hoạt động và dịch vụ hỗ trợ như kiểm dịch, phòng chống dịch bệnh, thú y, bảo vệ thực vật, bảo vệ nguồn lợi thủy sản; quản lý, bảo vệ rừng; quản lý khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi; xúc tiến thương mại, tiêu thụ nông sản...

- Hỗ trợ, bù lãi suất tín dụng để thực hiện chương trình khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất thành phố bổ sung, điều chỉnh cơ chế, chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phát triển nông nghiệp đô thị; chính sách phát triển cơ giới hóa, điều chỉnh chính sách khuyến nông, khuyến ngư, chuyển giao tiến bộ khoa học, ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp.

6.2. Vốn tín dụng, vốn khác:

- Tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Trung ương về tín dụng ngân hàng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, nhất là Quyết định số 497/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ nông dân mua máy móc, thiết bị, hỗ trợ xây dựng và sửa chữa nhà ở. Tiếp tục triển khai các chủ trương, chính sách của thành phố về quản lý, khuyến khích việc vay vốn, trả nợ vay, hỗ trợ lãi vay của các dự án thuộc chương trình kích cầu thông qua đầu tư (Dự án phát triển chăn nuôi tạo nguồn thực phẩm đến năm 2010 tầm nhìn năm 2015); về tổ chức thực hiện chương trình hỗ trợ khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp; Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Phối hợp với các tổ chức tín dụng, ngân hàng triển khai hình thức vay vốn có thể chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay; vay bằng tín chấp, vay theo dự án sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, đồng thời kiểm tra, giám sát việc vay, cấp vốn đầu tư để đảm bảo nguồn vốn được sử dụng có hiệu quả, đúng mục tiêu và thanh toán đúng kỳ hạn.

- Phối hợp với các Sở, ngành, đoàn thể và địa phương để huy động, sử dụng các nguồn vốn từ quỹ hỗ trợ nông dân, quỹ Xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, quỹ của các Hội, đoàn thể; vốn đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân để hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất và chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, chuyển đất trồng lúa sang trồng các loại cây khác, nuôi thủy sản, xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt, vệ sinh môi trường nông thôn. Tạo điều kiện để khuyến khích các doanh nghiệp

bán trả góp vật tư, thiết bị nông nghiệp cho nông dân, ứng vốn cho dân vay sản xuất nguyên liệu.

V. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM GIAI ĐOẠN 2011 - 2015:

1. Chương trình:

- Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020.
- Chương trình phát triển, kiểm soát động vật hoang dã.
- Chương trình quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2011 - 2015.
- Chương trình phát triển bò sữa giai đoạn 2011 – 2015.
- Chương trình phát triển cá sấu giai đoạn 2011 - 2015.
- Chương trình giống cây, giống con chất lượng cao giai đoạn 2011 - 2015.
- Các chương trình phát triển rau an toàn giai đoạn 2011 - 2015.
- Các chương trình phát triển hoa cây kiểng giai đoạn 2011 - 2015.
- Các chương trình phát triển cá cảnh giai đoạn 2011 - 2015.
- Chương trình phát triển nuôi thủy sản giai đoạn 2011 - 2015.
- Chương trình nước sạch - vệ sinh môi trường.
- Chương trình 5 triệu ha rừng: Đề án quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, mảng cây xanh thành phố.
- Chương trình vệ sinh an toàn thực phẩm các sản phẩm động, thực vật, thủy sản.
- Chương trình xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh gia súc.
- Chương trình đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về công nghệ sinh học.
- Chương trình khuyến nông, khuyến ngư, chuyển giao công nghệ, giống mới trong nông nghiệp.
- Chương trình phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ nông nghiệp, nông thôn.
- Chương trình khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

2. Các đề án:

- Đề án hoàn chỉnh, kiên cố hóa hệ thống thủy lợi nội đồng, phát triển sản xuất nông nghiệp góp phần nâng cao thu nhập nông dân.
- Đề án nâng cao năng lực dự báo, phòng, chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản.
- Đề án ứng phó biến đổi khí hậu trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.
- Đề án thiết lập, hoàn chỉnh hệ thống bản đồ phục vụ quản lý, cảnh báo thiên tai, lụt, bão.
- Đề án nâng cao năng lực quản lý, kiểm định các loại giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản.
- Đề án đào tạo, nâng cao năng lực cán bộ nông nghiệp xã phục vụ chương trình xây dựng nông thôn mới.

3. Các dự án:

3.1. Tiếp tục, hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng:

- Trung tâm Công nghệ Sinh học tại quận 12.
- Trung tâm Thủy sản thành phố tại xã Bình Khánh - huyện Cần Giờ.
- Trung tâm giao dịch, triển lãm nông sản thành phố tại huyện Củ Chi.
- Các dự án thủy lợi đê bao ven sông Sài Gòn (Quận 12 - Hóc Môn - Củ Chi, Thủ Đức) Tham Lương - Bến Cát - Rạch Nước Lên....
- Dự án đầu tư trại thực nghiệm chăn nuôi bò sữa công nghệ cao (Israel tài trợ).
- Dự án QSEAP - BPD, Lifsap.....

3.2. Triển khai các dự án đầu tư mới:

- Dự án nâng cấp đê biển thành phố (theo Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 27 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ).
- Các dự án thủy lợi phục vụ chương trình xây dựng nông thôn mới.
- Các dự án thực hiện quy hoạch thủy lợi, chống ngập khu vực thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 1547/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.
- Các dự án nâng cấp, đồng bộ hóa cơ sở hạ tầng nông nghiệp: đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị Trường Cao Đẳng Kỹ thuật Nông nghiệp (nâng cấp trường Trung cấp Kỹ thuật Nông nghiệp).

- Đầu tư xây dựng trung tâm nghiên cứu rừng ngập mặn Cần Giờ.
- Các dự án mở rộng các khu nông nghiệp công nghệ cao.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Thời gian thực hiện: từ năm 2011 - 2015.

2. Thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp cấp thành phố:

- Trưởng ban: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố
- Các Phó Trưởng ban: Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, lãnh đạo các Sở, ngành có liên quan...

- Các Ủy viên: lãnh đạo các đơn vị, quận, huyện có sản xuất nông nghiệp

3. Thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp cấp huyện:

- Trưởng ban: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện
- Các Phó Trưởng ban: lãnh đạo các Phòng, ban huyện
- Các Ủy viên: lãnh đạo các đơn vị, đoàn thể liên quan

4. Cơ quan thường trực: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

5. Cơ quan, đơn vị thực hiện:

- Ủy ban nhân dân các quận, huyện, xã, phường có sản xuất nông nghiệp.
- Các doanh nghiệp, hộ nông nghiệp, trang trại.
- Các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

6. Cơ quan phối hợp:

- Các Sở, ngành liên quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Viện Nghiên cứu phát triển...

- Các đoàn thể: Hội Nông dân thành phố, Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố.

- Các trường Đại học, Viện nghiên cứu trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

7. Một số nhiệm vụ cụ thể:

- Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, quận, huyện liên quan và các doanh nghiệp để triển khai Chương trình

chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị của thành phố giai đoạn 2011 - 2015 theo quyết định phê duyệt; phối hợp với các Sở, ngành, các quận, huyện có sản xuất nông nghiệp nghiên cứu, xây dựng chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị thành phố giai đoạn 2011 - 2015 trình Ủy ban nhân dân thành phố.

- Ủy ban nhân dân quận, huyện có sản xuất nông nghiệp: tổ chức quy hoạch các vùng nông nghiệp ổn định, quy hoạch các loại cây trồng, vật nuôi trên địa bàn, hoàn thành trong năm 2011. Xây dựng cụ thể để triển khai thực hiện chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi có hiệu quả kinh tế nhằm nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho nông dân.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các quận, huyện và Sở, ngành liên quan cân đối, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung vốn đầu tư xây dựng từ nguồn ngân sách thành phố cho ngân sách quận, huyện có sản xuất nông nghiệp; phân khai cho các quận, huyện kinh phí hỗ trợ lãi vay để thực hiện Chương trình khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và cấp bù lãi vay cho các tổ chức, cá nhân vay vốn thực hiện Chương trình chuyển dịch; trình thành phố bố trí dự toán kinh phí sự nghiệp cho các đơn vị liên quan đảm bảo tiến độ chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi trong giai đoạn 2011 - 2015./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Tín

BIỂU 1: CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả 2006 - 2010	Kế hoạch 2011 - 2015
1	Tốc độ tăng trưởng bình quân			
	Giá trị gia tăng	%/năm	5	5
	Giá trị sản xuất	%/năm	6	6
2	Cơ cấu giá trị sản xuất	%	100	100
	Trồng trọt		26,2	26,0
	Chăn nuôi	%	44,6	39,0
	Lâm nghiệp	%	1,0	1,2
	Thủy sản	%	19,1	19,0
	Dịch vụ nông lâm ngư nghiệp	%	9,1	14,8
	- Nông lâm nghiệp	%	6,8	11,0
	- Thủy sản	%	2,2	3,8
3	Giá trị sản xuất bình quân	Tr đồng/ha /năm	155	220
4	Diện tích trồng rau	Ha	3.000	5.630
5	Diện tích trồng hoa kiểng	Ha	1.910	2.100
6	Nuôi thủy sản		10.004	8.600
	Diện tích nuôi nước ngọt	Ha	1.604	1.400
	Diện tích nuôi nước lợ, mặn	Ha	8.400	7.200
	Trong đó: nuôi tôm	Ha	5.400	5.400
	Cá cảnh	Tr con	60	200
	nuôi thủy sản khác	Ha	3.000	1.800
7	Chăn nuôi			
	Đàn bò sữa	Con	79.800	82.100
	Đàn heo	Con	343.000	304.000
	Cá sấu	Con	170.000	190.000
8	Tỉ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh ở nông thôn ngoại thành	%	97	100
9	Tỉ lệ che phủ rừng và cây xanh	%	39,2	40
	Tỉ lệ che phủ rừng (bao gồm cây lâm nghiệp)	%	18,6	19,1

BIỂU 2: KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ ĐẾN NĂM 2015

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Toàn thành phố	Phân theo đơn vị hành chính (trong vùng dự án quy hoạch sản xuất nông nghiệp)											Các quận còn lại
				Tổng cộng	Cần Giờ	Nhà Bè	Bình Chánh	Hóc Môn	Củ Chi	Bình Tân	Thủ Đức	Quận 9	Quận 12	Quận 2	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(10)	(11)	(13)	(14)	(15)	(16)
TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN			209.555	191.808	70.422	10.056	25.255	10.943	43.497	5.188	4.765	11.390	5.275	5.018	17.747
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	95.429	95.429	44.604	1.280	14.543	4.206	26.240	495	787	2.734	540	0	
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	48.183	48.183	2.824	1.017	12.031	3.892	24.010	495	757	2.633	525	0	
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	21.461	21.461	914	457	5.111	2.042	11.850	160	200	593	135	0	
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	8.399	8.399	600	(0)	2.004	962	4.400	(0)	(0)	433	(0)	0	
1.1.1.1.1	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	6.606	6.606			1.474	300	4.400			432			
1.1.1.1.2	<i>Đất trồng lúa nước còn lại</i>	LUK	1.792	1.792	600	(0)	530	662	0	(0)	(0)	0	(0)	0	
1.1.1.2	Đất cỏ dùng vào chăn nuôi	COC	4.095	4.095			50	500	3.500				45		
1.1.1.3	Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNC(a)	8.967	8.967	314	457	3.056	580	3.950	160	200	160	90		
1.1.1.3.1	Rau		5.633	5.633	100	53	1.500	430	3.210	20	150	100	70		
1.1.1.3.2	Mía		1.000	1.000			800		200						
1.1.1.3.3	Hoa nền		810	810			250	100	400	10	20	10	20		
1.1.1.3.4	Các cây trồng còn lại		1.524	1.524	214	404	506	50	140	130	30	50	(0)		
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	26.722	26.722	1.910	560	6.920	1.850	12.160	335	557	2.040	390		
1.1.2.1	Đất trồng cây công nghiệp lâu năm	LNC	3.500	3.500			300		3.200						

1.1.2.2	Đất trồng cây ăn quả lâu năm	LNQ	9.711	9.711	700	30	4.641	350	2.800		200	960	30		
1.1.2.3	Đất trồng cây lâu năm khác	LNK	13.511	13.511	1.210	530	1.979	1.500	6.160	335	357	1.080	360		
1.1.2.3.1	Đất trồng Hoa cây kiềng		1.320	1.320	10	100	240	200	210	10	180	100	270		
1.1.2.3.2	Cây LN còn lại (vườn tạp, dừa nước,...)		12.191	12.191	1.200	430	1.739	1.300	5.950	325	177	980	90		
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	36.286	36.286	33.790		1.495	80	900			21			
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	3.348	3.348	1.606		982	80	660			21			
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	32.868	32.868	32.184		483		200						
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD	70	70			30		40						
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	8.608	8.608	6.890	250	860	52	450		30	60	15		
1.4	Đất làm muối	LMU	1.000	1.000	1.000										
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	1.352	1.352	100	13	158	182	880			20			
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	114.082	96.335	25.812	8.737	10.712	6.738	17.257	4.693	3.978	8.656	4.735	5.018	17.747
	<i>Tr.đó: Đất sông suối và MNCD</i>	SMN	32.738	31.085	22.783	2.442	753	198	1.161	93	315	1.918	358	1.064	1.653
3	ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG	CSD	45	45	5	39									

Ghi chú:

- Cây lâu năm các huyện kể cả cây lâm nghiệp trồng ngoài quy hoạch 3 loại rừng, cây xanh cách ly huyện Nhà Bè
- Số liệu theo Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28/12/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố

BIỂU 3: KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN RAU AN TOÀN GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2010	Kế hoạch		Bình quân giai đoạn 2011 - 2015 (%/năm)
			Năm 2011	Năm 2015	
	Diện tích đất canh tác (ha)	3.000	3.200	5.630	113,4
	Diện tích gieo trồng (ha)	12.740	13.284	15.000	103,3
	Năng suất (tấn/ha)	22,00	23,60	25,00	102,6
	Sản lượng (tấn)	280.280	313.502	375.000	106,0
	DTGT tại các quận huyện (ha)				
1	Huyện Củ Chi	6.120	6.400	7.500	104,2
2	Huyện Bình Chánh	4.000	4.200	4.500	102,4
3	Huyện Hóc Môn	1.350	1.300	1.300	99,2
4	Huyện Nhà Bè	100	100	150	108,4
5	Huyện Cần Giờ	150	180	300	114,9
6	Quận 9	90	100	300	127,2
7	Quận 12	270	250	200	94,2
8	Quận Thủ Đức	420	420	450	101,4
9	Quận Bình Tân	50	50	100	114,9
10	Các quận còn lại	190	284	200	101,0

BIỂU 4: KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN HOA - CÂY KIỂNG GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

ĐVT: ha

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2010		Kế hoạch năm 2015	
		Hoa nền	Hoa kiểng lâu năm	Hoa nền	Hoa kiểng lâu năm
1	Huyện Củ Chi	350	165	400	210
2	Huyện Bình Chánh	250	70	250	240
3	Huyện Hóc Môn	50	110	100	150
4	Huyện Nhà Bè		80		100
5	Huyện Cần Giờ				10
6	Quận 9	5	75	10	100
7	Quận 12	20	300	10	280
8	Quận Thủ Đức	60	190	20	180
9	Quận Bình Tân	15	10	10	10
10	Các quận còn lại	60	100		20
Tổng cộng		1.910		2.100	

**BIỂU 5: KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN MỘT SỐ VẬT NUÔI CHÍNH
GIAI ĐOẠN 2011 - 2015**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2010	Kế hoạch		Bình quân giai đoạn 2011 - 2015
			Năm 2011	Năm 2015	
Tổng cộng					
- Bò	con	104.600	105.000	103.000	99,7
- Trâu	con	5.398	4.720	1.780	80,1
Trong đó: Bò sữa	con	79.800	80.000	82.100	100,6
- Heo	con	343.000	300.000	304.000	97,6
1. Củ Chi					
- Bò	con	55.900	57.000	70.000	104,6
- Trâu	con	3.100	3.000	1.000	79,7
Trong đó: Bò sữa	con	41.000	43.900	60.000	107,9
- Heo	con	171.000	180.000	200.000	103,2
2. Bình Chánh					
- Bò	con	6.700	6.700	4.500	92,3
- Trâu	con	1.300	1.200	600	85,7
Trong đó: Bò sữa	con	2.700	3.000	1.500	88,9
- Heo	con	48.700	45.000	20.000	83,7
3. Hóc Môn					
- Bò	con	25.500	25.000	17.500	92,7
- Trâu	con	530	500	180	80,6
Trong đó: Bò sữa	con	23.000	23.000	16.600	93,7
- Heo	con	43.400	35.000	25.000	89,6
4. Nhà Bè					
- Bò	con	78	80		-
- Trâu	con	18	20		-
Trong đó: Bò sữa	con	10	15		-
- Heo	con	9.600	10.000	10.000	100,8

5. Cần Giờ					
- Bò	con	78	70		-
Trong đó: Bò sữa	con				
- Heo	con	4.180	4.500	9.000	116,6
6. Các quận, huyện còn lại					
- Bò	con	16.344	16.150	11.000	92,4
- Trâu	con	450			-
Trong đó: Bò sữa	con	13.090	10.085	4.000	78,9
- Heo	con	66.120	25.500	40.000	90,4

BIỂU 6: KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN THỦY SẢN GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2010	Kế hoạch		Bình quân giai đoạn 2011 - 2015
			Năm 2011	Năm 2015	
1. Nuôi trồng					
a. Thủy sản nước ngọt					
- Diện tích	Ha	1.604	1.500	1.400	97,3
- Sản lượng	Tấn	8.005	7.500	10.000	104,6
b. Thủy sản nước lợ, mặn					
- Diện tích	Ha	8.400	8.400	7.140	96,8
- Sản lượng	Tấn	17.120	21.120	24.120	107,1
Trong đó: nhuyễn thể (nghêu, sò ..)					
- Diện tích (ngoài ranh giới hành chính)	Ha	1.300	1.300	1.200	98,4
- Sản lượng	Tấn	2.980	7.500	10.000	127,4
c. Cá cảnh	Triệu con	60	68	200	127,2
d. Đàn cá sấu	con	170.000	174.000	190.000	102,2
2. Đánh bắt	Tấn	22.000	22.000	21.000	99,1
3. Tại các quận, huyện					
a. Huyện Củ Chi (nước ngọt)					
+ Diện tích	Ha	447	450	450	100,2
+ Sản lượng	Tấn	2.010	2.100	3.500	111,7
b. Huyện Bình Chánh (nước ngọt)					
+ Diện tích	Ha	1.044	1.000	860	96,2
+ Sản lượng	Tấn	5.400	5.000	5.000	98,5

c. Huyện Nhà Bè (nước lợ, mặn)					
+ Diện tích	Ha	660	650	250	82,4
+ Sản lượng	Tấn	1.650	1.500	750	85,4
- Đánh bắt	Tấn	1.600	1.500	1.000	91,0
d. Huyện Cần Giờ (nước lợ, mặn)					
+ Diện tích	Ha	7.740	7.750	6.890	97,7
+ Sản lượng	Tấn	15.470	19.620	23.370	108,6
- Đánh bắt	Tấn	20.400	20.500	20.000	99,6
Trong đó: nhuyễn thể (nghêu, sò ..)					
+ Diện tích (ngoài ranh giới hành chính)	Ha	1.300	1.300	1.200	98,4
+ Sản lượng	Tấn	2.980	7.500	10.000	127,4
e. Quận, huyện còn lại (nước ngọt)					
+ Diện tích	Ha	113	50	90	95,4
+ Sản lượng	Tấn	595	400	1.500	120,3

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 8****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2011/QĐ-UBND

Quận 8, ngày 03 tháng 3 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH**Công bố văn bản hết hiệu lực thi hành****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp quận (tại Tờ trình số 32/TTr-TP ngày 24 tháng 02 năm 2011),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố 10 văn bản do Ủy ban nhân dân quận 8 ban hành hết hiệu lực thi hành, theo danh mục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 8, Thủ trưởng các phòng, ban chuyên môn thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH****Nguyễn Thành Chung**

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 8

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC THI HÀNH
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND
ngày 03 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận 8)*

STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	NỘI DUNG VĂN BẢN
01	42/2006/QĐ-UBND	07/11/2006	Quyết định về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động thực hành tiết kiệm chống lãng phí giai đoạn 2006 - 2010
02	43/2006/QĐ-UBND	07/11/2006	Quyết định về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động chống tham nhũng giai đoạn 2006 - 2010
03	02/2007/QĐ-UBND	18/01/2007	Quyết định về việc ban hành Kế hoạch giáo dục quốc phòng - an ninh giai đoạn 2006 - 2010
04	08/2009/QĐ-UBND	25/11/2009	Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 8
05	11/2009/QĐ-UBND	30/12/2009	Quyết định về việc ban hành Kế hoạch điều hành chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội năm 2010
06	04/2007/CT-UBND	15/3/2007	Chỉ thị về việc xây dựng lực lượng DQTV phòng không, dân quân cơ động và dân quân thường trực trên địa bàn quận 8 từ năm 2006 đến năm 2010
07	04/2009/CT-UBND	21/12/2009	Chỉ thị về việc tổ chức Đại hội CNVC, Hội nghị người lao động và Hội nghị cán bộ công chức năm 2010
08	05/2009/CT-UBND	25/12/2009	Chỉ thị về việc tổ chức đón Tết Nguyên đán Canh Dần 2010

09	01/2010/CT-UBND	11/01/2010	Chỉ thị về thực hiện công tác đăng ký NVQS, tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và công tác đăng ký, quản lý, huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên năm 2010
10	03/2010/CT-UBND-M	16/9/2010	Về việc tổ chức, chuẩn bị và thực hành diễn tập phương án xử lý tình huống tập trung đông người biểu tình trước cơ quan Nhà nước, tuần hành biểu tình trên đường phố, giải thoát con tin, xử lý bom, mìn kết hợp diễn tập khu vực phòng thủ trên địa bàn quận 8 năm 2010

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2011/QĐ-UBND

*Bình Chánh, ngày 03 tháng 3 năm 2011***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính -
Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Nghị định số 12/2010/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về thành lập Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ, tại Tờ trình số 42/TTr-NV ngày 14 tháng 02 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 25/2008/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Bình Chánh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Huyện, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Trọng Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch
thuộc Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND
ngày 03 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh)*

Chương I

VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí:

Phòng Tài chính - Kế hoạch Huyện là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Huyện, chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Ủy ban nhân dân Huyện; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Phòng Tài chính - Kế hoạch Huyện có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để hoạt động.

2. Chức năng:

Phòng Tài chính - Kế hoạch Huyện có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Huyện thực hiện quản lý Nhà nước về các lĩnh vực: tài chính; tài sản; giá; kế hoạch và đầu tư theo quy định của pháp luật.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Phòng Tài chính - Kế hoạch Huyện có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Trình Ủy ban nhân dân Huyện ban hành các quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế

hoạch 5 năm và hàng năm về phát triển kinh tế xã hội, lĩnh vực tài chính, kế hoạch và đầu tư; chương trình, biện pháp thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, kế hoạch và đầu tư trên địa bàn Huyện.

2. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; kiểm tra việc thi hành pháp luật về tài chính, kế hoạch và đầu tư trên địa bàn Huyện; giúp Ủy ban nhân dân Huyện giải quyết khiếu nại, tố cáo, các tranh chấp theo quy định của pháp luật.

3. Về lĩnh vực tài chính:

a) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị dự toán thuộc Huyện, Ủy ban nhân dân xã - thị trấn xây dựng dự toán ngân sách hàng năm; xây dựng, trình Ủy ban nhân dân Huyện dự toán ngân sách Huyện theo hướng dẫn của Sở Tài chính;

b) Lập dự toán thu ngân sách Nhà nước đối với những khoản thu được phân cấp quản lý, dự toán chi ngân sách Huyện và tổng hợp dự toán ngân sách xã - thị trấn, phương án phân bổ ngân sách Huyện trình Ủy ban nhân dân Huyện; lập dự toán ngân sách điều chỉnh trong trường hợp cần thiết để trình Ủy ban nhân dân Huyện; tổ chức thực hiện dự toán ngân sách đã được quyết định;

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý tài chính, ngân sách, giá, thực hiện chế độ kê toán của chính quyền xã - thị trấn, và các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp của Nhà nước thuộc Huyện;

d) Phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc quản lý công tác thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

đ) Thẩm định quyết toán thu, chi ngân sách xã - thị trấn; xét duyệt quyết toán đối với các cơ quan, đơn vị được ngân sách hỗ trợ; lập quyết toán thu, chi ngân sách Huyện; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn Huyện và quyết toán thu, chi ngân sách huyện (bao gồm quyết toán thu, chi ngân sách Huyện và quyết toán thu, chi ngân sách xã - thị trấn) báo cáo Ủy ban nhân dân Huyện để trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê chuẩn.

Tổ chức thẩm tra, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện phê duyệt quyết toán đối với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện. Thẩm tra, phê duyệt quyết toán các dự án đầu tư bằng nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng cơ bản thuộc ngân sách huyện quản lý;

e) Quản lý tài sản Nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc

Huyện quản lý theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân Huyện quyết định theo thẩm quyền việc mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu hủy tài sản Nhà nước;

g) Quản lý nguồn kinh phí được ủy quyền của cấp trên; quản lý các dịch vụ tài chính theo quy định của pháp luật;

h) Tham mưu Ủy ban nhân dân Huyện thực hiện công tác quản lý Nhà nước về giá theo quy định của Chính phủ và phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố; phối hợp các cơ quan liên quan kiểm tra việc chấp hành niêm yết giá và bán theo giá niêm yết của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hoạt động trên địa bàn. Thực hiện công tác định giá các tài sản liên quan trong tổ tụng hình sự và quy định của Chính phủ;

i) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện chế độ công khai tài chính ngân sách của Nhà nước theo quy định của pháp luật;

k) Tổng hợp kết quả thực hiện kiến nghị của thanh tra, kiểm toán về lĩnh vực tài chính ngân sách báo cáo Ủy ban nhân dân Huyện.

4. Về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư:

a) Tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện phê duyệt kế hoạch kinh tế xã hội hàng năm (kể cả danh mục các công trình đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn thuộc các nguồn vốn); trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện quyết định phân bổ kế hoạch vốn đầu tư xây dựng hàng năm đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Huyện;

b) Thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện quyết định đầu tư, phê duyệt dự án, phê duyệt kế hoạch đấu thầu và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Huyện;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Huyện cung cấp thông tin dự án, xúc tiến đầu tư, giám sát và đánh giá đầu tư, kêu gọi và tổ chức vận động các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào địa bàn Huyện; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác kế hoạch và đầu tư xã - thị trấn;

d) Thẩm định dự toán và quyết toán chi phí quản lý dự án đối với các dự án đầu tư của công trình xây dựng nông thôn mới tại các xã thực hiện thí điểm theo chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố.

5. Được quyền yêu cầu các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Huyện

và Ủy ban nhân dân xã - thị trấn cung cấp số liệu có liên quan đến lĩnh vực quản lý thuộc chức năng, nhiệm vụ của Phòng; thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao của Phòng theo quy định của Ủy ban nhân dân Huyện và các Sở liên quan.

6. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý chuyên môn, nghiệp vụ được giao.

7. Quản lý cán bộ, công chức và tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân Huyện.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực tài chính; kế hoạch và đầu tư theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân Huyện và theo quy định của pháp luật.

Chương III **CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ**

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Phòng Tài chính - Kế hoạch Huyện có Trưởng phòng và không quá 03 Phó Trưởng phòng.

a) Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Phòng, đồng thời chịu trách nhiệm trước Giám đốc các Sở liên quan về thực hiện các mặt công tác chuyên môn của Phòng;

b) Phó Trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng, chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy quyền điều hành các hoạt động của Phòng;

c) Việc bổ nhiệm Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện quyết định sau khi có ý kiến chấp thuận của Ban Thường vụ Huyện ủy.

d) Cán bộ, công chức chuyên môn, nghiệp vụ được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

2. Việc khen thưởng, kỷ luật và các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức Phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Biên chế

Biên chế của Phòng Tài chính - Kế hoạch do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện quyết định phân bổ trong tổng số chỉ tiêu biên chế hành chính của Huyện được Ủy ban nhân dân Thành phố giao hàng năm.

Lãnh đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch căn cứ biên chế được giao, phân công cán bộ, công chức thực hiện các mặt công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng.

Điều 5. Kinh phí hoạt động

Kinh phí hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ về quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí hành chính đối với cơ quan Nhà nước và Quyết định số 102/2006/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí hành chính đối với cơ quan Nhà nước.

Chương IV**CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC****Điều 6. Chế độ làm việc**

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành toàn bộ các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Thực hiện đúng chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan trong thi hành nhiệm vụ, công vụ theo Nghị định số 157/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ; có trách nhiệm tổ chức thực hiện Luật Cán bộ, công chức, Luật Phòng, chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại cơ quan theo quy định.

2. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết; các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết thì trình Trưởng phòng quyết định.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu cán bộ, chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được

thực hiện nhưng cán bộ, chuyên viên đó phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

4. Công chức của Phòng Tài chính - Kế hoạch đều có chức danh, nhiệm vụ cụ thể, có bảng tên đặt tại bàn làm việc và phải đeo thẻ công chức khi thực hiện nhiệm vụ; phải tận tụy với công vụ; phải chấp hành nghiêm chỉnh giờ giấc làm việc theo quy định; phải có thái độ lịch sự, khiêm tốn với khách đến liên hệ công tác; tôn trọng và lắng nghe ý kiến của đồng nghiệp, của lãnh đạo cơ quan, phải thực hiện đúng Luật Cán bộ, công chức, Luật Phòng, chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 7. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo Phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức một lần để kiểm điểm tình hình thực hiện công tác trong tháng và đề ra công tác cho tháng tiếp theo, đồng thời phổ biến các chủ trương, chính sách, quy định mới của nhà nước và nhiệm vụ mới phải thực hiện (hoặc họp đột xuất khi cần thiết). Hàng quý, 06 tháng và cuối năm Phòng Tài chính - Kế hoạch Huyện có báo cáo sơ, tổng kết công tác theo quy định.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc phải được chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

Điều 8. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Sở, ngành Thành phố:

Phòng Tài chính - Kế hoạch chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ (hoặc đột xuất) theo yêu cầu của Giám đốc các Sở có liên quan.

2. Đối với Ủy ban nhân dân Huyện:

Phòng Tài chính - Kế hoạch chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân Huyện về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng. Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân Huyện về những mặt công tác đã được phân công.

Theo định kỳ báo cáo với Ủy ban nhân dân Huyện về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý Nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

3. Đối với các Phòng chuyên môn khác:

Thực hiện tốt mối quan hệ hợp tác bình đẳng trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được quy định. Khi phối hợp giải quyết công việc thuộc lĩnh vực Phòng phụ trách nếu chưa nhất trí với ý kiến của Phòng chuyên môn khác; Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ động tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện quyết định.

4. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể và tổ chức xã hội huyện:

Khi các tổ chức trên có yêu cầu, kiến nghị những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

5. Đối với Ủy ban nhân dân xã - thị trấn:

a) Phối hợp hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân xã - thị trấn thực hiện các nội dung quản lý Nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng;

b) Hướng dẫn cán bộ, công chức Tài chính - Kế toán xã - thị trấn về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Phòng quản lý.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Căn cứ Quy chế này, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Phòng; quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn của cán bộ, công chức phù hợp với đặc điểm của Huyện, nhưng không trái với nội dung Quy chế này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện quyết định để thi hành.

Điều 10. Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

Quy chế này là cơ sở pháp lý để Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch điều hành, quản lý đơn vị; là căn cứ để Ủy ban nhân dân Huyện giao nhiệm vụ cho Phòng.

Trong quá trình thực hiện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch có quyền kiến nghị, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện ban hành Quyết định bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế cho phù hợp với tình hình thực tế của Huyện và quy định của Nhà nước./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Trọng Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2011/QĐ-UBND

Bình Chánh, ngày 03 tháng 3 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Nghị định số 12/2010/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 62/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện;

Căn cứ Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 13/2010/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về thành lập Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ, tại Tờ trình số 42/TTr-NV ngày 14 tháng 02 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Huyện, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Kinh tế, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Trọng Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế thuộc

Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND

ngày 03 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh)

Chương I

VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí:

Phòng Kinh tế Huyện là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân Huyện; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Phòng Kinh tế Huyện có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để hoạt động.

2. Chức năng:

Phòng Kinh tế Huyện có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Huyện thực hiện quản lý Nhà nước về các lĩnh vực: tiểu thủ công nghiệp; khoa học và công nghệ; công nghiệp; thương mại; dịch vụ; quản lý năng lượng; đăng ký kinh doanh; tổng hợp, thống nhất quản lý về kinh tế hợp tác xã, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân; nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông thôn; phát triển kinh tế hộ; kinh tế trang trại nông thôn; kinh tế hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề ở nông thôn.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Phòng Kinh tế Huyện có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Nhiệm vụ và quyền hạn chung thuộc các lĩnh vực quản lý Nhà nước được giao:

a) Trình Ủy ban nhân dân Huyện dự thảo quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 5 năm và hàng năm về phát triển các ngành trên địa bàn huyện theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính Nhà nước và phân cấp quản lý trong lĩnh vực được giao trên địa bàn. Dự toán ngân sách Nhà nước hàng năm cho các lĩnh vực quản lý Nhà nước được phân công;

b) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, nhiệm vụ cải cách hành chính về lĩnh vực được phân công sau khi được ban hành, phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, giáo dục, phổ biến, hướng dẫn văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách, chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được giao;

c) Giúp Ủy ban nhân dân Huyện quản lý Nhà nước đối với hoạt động của các thành phần kinh tế trên địa bàn huyện trong phạm vi lĩnh vực các ngành kinh tế được phân công; hướng dẫn và kiểm tra hoạt động của các hội và tổ chức phi chính phủ trên địa bàn thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước được phân công;

d) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực được phân công cho cán bộ, công chức xã - thị trấn;

đ) Giúp Ủy ban nhân dân Huyện thực hiện và chịu trách nhiệm về việc thẩm định, đăng ký, cấp và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các loại giấy phép thuộc phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của Phòng theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân Huyện;

e) Được quyền yêu cầu các cơ quan, đơn vị thuộc Huyện và Ủy ban nhân dân xã - thị trấn cung cấp số liệu có liên quan đến lĩnh vực quản lý thuộc chức năng, nhiệm vụ của Phòng; thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao của Phòng theo quy định của Ủy ban nhân dân Huyện và các Sở - ngành liên quan;

g) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, thanh tra và đề xuất xử lý vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành pháp luật thuộc các lĩnh vực được phân công; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong hoạt động các lĩnh vực được phân công theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân Huyện;

h) Tổ chức triển khai, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; hỗ trợ các tổ chức

kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân đóng trên địa bàn trong việc triển khai, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ của Phòng;

i) Quản lý tài chính, tài sản của Phòng theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân Huyện;

k) Theo dõi, tổng hợp, báo cáo định kỳ 6 tháng, 1 năm và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Ủy ban nhân dân Huyện, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể về kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân:

a) Giúp Ủy ban nhân dân Huyện thực hiện và chịu trách nhiệm về việc thẩm định, đăng ký, cấp và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các loại giấy phép theo phân công của Ủy ban nhân dân Huyện; thực hiện và chịu trách nhiệm về việc thẩm định đăng ký, cấp và thu hồi giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) thuốc lá, sản xuất và kinh doanh rượu thuộc phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của Phòng theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức, hướng dẫn và thực hiện chính sách khuyến khích các tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân đầu tư phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh; tổ chức các hoạt động dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ, cung cấp thông tin, xúc tiến thương mại và đào tạo nguồn nhân lực cho các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn;

c) Tổng hợp theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, kế hoạch, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân trên địa bàn huyện.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể về khoa học - công nghệ và năng lượng:

a) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện quyết định thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ theo quy định tại Luật Khoa học và công nghệ, hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và làm thường trực Hội đồng khoa học và công nghệ của Ủy ban nhân dân Huyện;

b) Phát triển phong trào lao động sáng tạo, phổ biến, lựa chọn các tiến bộ khoa học và công nghệ, các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, các sáng chế, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất để hỗ trợ áp dụng tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn Huyện; tổ chức thực hiện các dịch vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn. Theo dõi, giám sát, phối hợp và hỗ trợ các đơn vị tổ chức thực hiện các dự án chuyển giao công nghệ vào sản xuất và đời sống trên địa bàn;

c) Quản lý Nhà nước đối với hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ, ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ, hạt nhân theo quy định của pháp luật và theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ;

d) Xây dựng hệ thống thông tin, thống kê, lưu trữ về khoa học và công nghệ tại địa phương theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ;

đ) Triển khai thực hiện quy hoạch, chính sách, kế hoạch phát triển điện lực, phát triển việc ứng dụng năng lượng mới, năng lượng mặt trời, năng lượng gió và các dạng năng lượng khác trên địa bàn quản lý;

e) Triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch nghiên cứu, phát triển sản xuất và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng trên địa bàn quản lý;

g) Tổ chức triển khai thực hiện quy định về quản lý hoạt động điện lực trên địa bàn; các quy định về hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp và các công trình điện khác trên địa bàn quản lý;

h) Tổ chức tập huấn kiến thức pháp luật về hoạt động điện lực và sử dụng điện, tập huấn về hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và an toàn điện cho cán bộ quản lý năng lượng, cán bộ và nhân viên của các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất và các tổ chức quản lý điện trên địa bàn; hướng dẫn và kiểm tra việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm an toàn điện trong hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, hoạt động điện lực và sử dụng điện, các quy trình, quy định về an toàn điện, áp dụng trong nội bộ cơ quan, doanh nghiệp;

i) Tổ chức triển khai thực hiện phương án giá điện trên địa bàn quản lý. Phối hợp với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện kiểm tra, thanh tra chuyên ngành điện lực theo quy định của pháp luật và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực năng lượng.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể về nông nghiệp và phát triển nông thôn:

a) Tổ chức thực hiện công tác phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và nghề muối; phối hợp công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, sâu bệnh, dịch bệnh trên địa bàn;

b) Phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức bảo vệ đê điều, các công trình thủy lợi vừa và nhỏ; công trình nuôi trồng thủy sản; công trình cấp, thoát nước nông thôn; phối hợp bảo vệ công trình phòng, chống lũ, lụt, bão; quản lý mạng lưới thủy nông trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện các biện pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển nông nghiệp,

lâm nghiệp, thủy sản, bảo vệ rừng, trồng rừng và khai thác lâm sản; chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản; phát triển ngành, nghề, làng nghề nông thôn;

d) Tổng hợp tình hình, báo cáo Ủy ban nhân dân Huyện việc xây dựng và phát triển nông thôn trên địa bàn huyện về các lĩnh vực: phát triển kinh tế hộ, trang trại, kinh tế hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp; phát triển ngành, nghề, làng nghề nông thôn; khai thác và sử dụng nước sạch nông thôn; chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản;

đ) Thống kê diễn biến đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, mặt nước nuôi trồng thủy sản, diễn biến rừng; tổ chức thực hiện các biện pháp canh tác phù hợp để khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên đất, nước cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản;

e) Quản lý các hoạt động thương mại, dịch vụ phục vụ phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; vật tư nông lâm nghiệp, phân bón và thức ăn chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện;

g) Tổ chức thực hiện công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, và các dự án phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn trên địa bàn Huyện.

5. Thực hiện một số nhiệm vụ khác:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân Huyện xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, các cửa hàng thương mại trên địa bàn Huyện; Giúp Ủy ban nhân dân Huyện thực hiện quản lý Nhà nước đối với chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, các cửa hàng thương mại trên địa bàn Huyện;

b) Phối hợp với Phòng Nội vụ tham mưu và đề xuất Ủy ban nhân dân Huyện về công tác nhân sự Ban quản lý các chợ trên địa bàn Huyện.

c) Thực hiện một số nhiệm vụ khác về các lĩnh vực quản lý Nhà nước thuộc ngành theo sự phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân Huyện và theo quy định của pháp luật.

Chương III CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Phòng Kinh tế huyện có Trưởng phòng và không quá 03 Phó Trưởng phòng.

a) Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Phòng, đồng thời chịu

trách nhiệm trước Giám đốc các Sở liên quan về thực hiện các mặt công tác chuyên môn của Phòng;

b) Phó Trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng, chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy quyền điều hành các hoạt động của Phòng;

c) Việc bổ nhiệm Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện quyết định sau khi có ý kiến chấp thuận của Ban Thường vụ Huyện ủy.

d) Cán bộ, công chức chuyên môn, nghiệp vụ được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

2. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ nêu trên, Phòng Kinh tế Huyện tổ chức thành các Tổ chuyên môn để quản lý các mặt công tác, gồm:

- Tổ quản lý Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp;
- Tổ quản lý Thương mại, Dịch vụ;
- Tổ quản lý Nông nghiệp;
- Tổ quản lý Khoa học - Công nghệ và Năng lượng;
- Tổ quản lý Đăng ký Kinh doanh;
- Tổ quản lý Kinh tế hợp tác xã, Kinh tế tập thể, Kinh tế tư nhân.

Về công tác cán bộ: Trưởng Phòng Kinh tế Huyện phối hợp với Trưởng Phòng Nội vụ đề xuất việc bổ nhiệm, bố trí và miễn nhiệm các chức vụ Trưởng ban, Phó Trưởng ban các Ban quản lý chợ thuộc phạm vi quản lý của Huyện.

3. Việc khen thưởng, kỷ luật và các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức Phòng Kinh tế thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Biên chế

Biên chế của Phòng Kinh tế do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện quyết định phân bổ trong tổng số chỉ tiêu biên chế hành chính của Huyện được Ủy ban nhân dân Thành phố giao hàng năm.

Lãnh đạo Phòng Kinh tế căn cứ biên chế được giao, phân công cán bộ, công chức thực hiện các mặt công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng.

Điều 5. Kinh phí hoạt động

Kinh phí hoạt động của Phòng Kinh tế thực hiện theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ về quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí hành chính đối với cơ quan Nhà nước và Quyết định số 102/2006/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí hành chính đối với cơ quan Nhà nước.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 6. Chế độ làm việc

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành toàn bộ các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Thực hiện đúng chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan trong thi hành nhiệm vụ, công vụ theo Nghị định số 157/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ; có trách nhiệm tổ chức thực hiện Luật Cán bộ, công chức, Luật Phòng, chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại cơ quan đúng theo quy định.

2. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết; các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết thì trình Trưởng phòng quyết định.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu cán bộ, chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng cán bộ, chuyên viên đó phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

4. Công chức của Phòng Kinh tế đều có chức danh, nhiệm vụ cụ thể, có bảng tên đặt tại bàn làm việc và phải đeo thẻ công chức khi thực hiện nhiệm vụ; phải tận tụy với công vụ; phải chấp hành nghiêm chỉnh giờ giấc làm việc theo quy định; phải có thái độ lịch sự, khiêm tốn với khách đến liên hệ công tác; tôn trọng và lắng nghe ý kiến của đồng nghiệp, của lãnh đạo cơ quan, phải thực hiện đúng Luật Cán bộ, công chức, Luật Phòng, chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 7. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo Phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức một lần để kiểm điểm tình hình thực hiện công tác trong tháng và đề ra công tác cho tháng tiếp theo, đồng thời phổ biến các chủ trương, chính sách, quy định mới của Nhà nước và nhiệm vụ mới phải thực hiện (hoặc họp đột xuất khi cần thiết). Hàng quý, 06 tháng và cuối năm Phòng Kinh tế Huyện có báo cáo sơ, tổng kết công tác theo quy định.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc phải được chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

Điều 8. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Sở, ngành Thành phố:

Phòng Kinh tế chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ (hoặc đột xuất) theo yêu cầu của Giám đốc các Sở, ngành có liên quan.

2. Đối với Ủy ban nhân dân Huyện:

Phòng Kinh tế chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân Huyện về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng. Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân Huyện về những mặt công tác đã được phân công.

Theo định kỳ báo cáo với Ủy ban nhân dân Huyện về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý Nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

3. Đối với các Phòng chuyên môn khác:

Thực hiện tốt mối quan hệ hợp tác bình đẳng trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được quy định. Khi phối hợp giải quyết công việc thuộc lĩnh vực Phòng phụ trách nếu chưa nhất trí với ý kiến của Phòng chuyên môn khác; Trưởng Phòng Kinh tế chủ động tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện quyết định.

4. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể và tổ chức xã hội Huyện:

Khi các tổ chức trên có yêu cầu, kiến nghị những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

5. Đối với Ủy ban nhân dân xã - thị trấn:

a) Phối hợp hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân xã - thị trấn thực hiện các nội dung quản lý Nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng;

b) Hướng dẫn cán bộ xã - thị trấn về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Phòng quản lý.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Căn cứ Quy chế này, Trưởng Phòng Kinh tế có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Phòng; quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn của cán bộ, công chức phù hợp với đặc điểm của Huyện, nhưng không trái với nội dung Quy chế này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện quyết định để thi hành.

Điều 10. Trưởng Phòng Kinh tế có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

Quy chế này là cơ sở pháp lý để Trưởng Phòng Kinh tế điều hành, quản lý đơn vị; là căn cứ để Ủy ban nhân dân Huyện giao nhiệm vụ cho Phòng.

Trong quá trình thực hiện, Trưởng Phòng Kinh tế có quyền kiến nghị, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện ban hành Quyết định bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế cho phù hợp với tình hình thực tế của Huyện và quy định của Nhà nước./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Trọng Tuấn

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09/CT-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2011

CHỈ THỊ

Về tổ chức phát động phong trào thi đua yêu nước năm 2011

Năm 2010, các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị, các tổ chức xã hội đã nâng cao vai trò, trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện phong trào thi đua và công tác khen thưởng; chú trọng đổi mới nội dung, phương thức tổ chức phong trào thi đua, công tác tuyên truyền, vận động và tuyên dương, khen thưởng đã được quan tâm đúng mức. Phong trào thi đua yêu nước đã thật sự khơi dậy tinh thần hăng hái thi đua ở mỗi tập thể, cá nhân và đông đảo người dân thành phố, tạo được động lực tinh thần to lớn, thúc đẩy, cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn dân và Lực lượng Võ trang thành phố thi đua lập được nhiều thành tích xuất sắc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2010 và kế hoạch 5 năm (2006 - 2010), góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và phát triển thành phố.

Công tác khen thưởng, tôn vinh các danh hiệu đã động viên kịp thời, tạo được động lực mới cho các tập thể, cá nhân tiếp tục cống hiến tích cực vào phong trào thi đua của thành phố.

Tuy nhiên, phong trào thi đua và công tác khen thưởng của thành phố cũng còn một số hạn chế, một số cơ quan, đơn vị việc tổ chức phát động phong trào thi đua còn mang nặng hình thức, nội dung phong trào thi đua chưa thực chất; việc phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến thiếu thường xuyên, công tác khen thưởng có lúc chưa kịp thời nên chưa tạo được sự lan tỏa trong các ngành, lĩnh vực và đời sống xã hội; có nơi chưa quan tâm đến công tác tuyên truyền, động viên, khích lệ phong trào thi đua.

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém nêu trên, trước hết do một số cấp ủy, lãnh đạo và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của các địa phương, đơn vị, chưa có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đối với phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tổ chức bộ máy và nhân sự làm công tác thi đua, khen thưởng ở một số địa phương đơn vị thiếu ổn định, thiếu chuyên nghiệp, chưa chủ động trong nắm bắt tình hình để tham mưu đề xuất cho cấp ủy, chính quyền và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai phong trào thi đua và công tác khen thưởng theo yêu cầu đổi mới công tác thi đua, khen thưởng trong tình hình mới.

Từ thực tiễn phong trào thi đua yêu nước của thành phố và yêu cầu đổi mới công tác thi đua, khen thưởng trong những năm tới, kịp thời khắc phục những mặt còn hạn chế, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng năm 2011, Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, các Tổng Công ty, Công ty và các đơn vị thuộc thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện tập trung thực hiện tốt các nội dung sau đây:

1. Tiếp tục quán triệt tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về thi đua ái quốc; Kết luận số 83-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) “Về tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến” làm cho mọi người, trước hết là cán bộ, đảng viên nhận thức đúng vai trò đặc biệt quan trọng của công tác thi đua, khen thưởng trong giai đoạn cách mạng hiện nay là động lực to lớn để phát huy sức mạnh tổng hợp, trình độ, sự năng động sáng tạo, cống hiến quên mình của các tầng lớp nhân dân, góp phần xây dựng và phát triển thành phố ngày càng văn minh, hiện đại.

2. Tổ chức phong trào thi đua gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị, thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, đơn vị, trong đó chú trọng việc thực hiện năm chủ đề 2011 của thành phố “Năm vì trẻ em”; phong trào thi đua phải tập trung hướng mạnh về cơ sở, giải quyết những yêu cầu bức thiết hiện nay về phát triển cơ sở hạ tầng, cải cách hành chính, đào tạo nguồn nhân lực, quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn giao thông, môi trường đô thị, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống thiên tai dịch bệnh, an sinh xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân thành phố, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2011 và kế hoạch 5 năm (2011 - 2015) theo tinh thần Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đề ra. Tập trung thực hiện

có hiệu quả Chương trình hành động số 06-CTrHĐ/TU ngày 08 tháng 3 năm 2011 của Ban Thường vụ Thành ủy và Chỉ thị số 08/2011/CT-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2011 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh và xã hội trên địa bàn thành phố.

3. Các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tập trung tổ chức thành công cuộc Bầu cử Đại biểu Quốc hội Khóa XIII và Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và Đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2011 - 2016 bảo đảm tỉ lệ cử tri đi bầu cao nhất, an toàn và đúng các quy định của pháp luật.

4. Trên cơ sở tiếp tục nghiên cứu, quán triệt chủ trương đường lối của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh về thi đua yêu nước, nội dung phong trào thi đua và công tác khen thưởng phải gắn kết với thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả cuộc vận động, không ngừng nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và các đoàn thể chính trị vững mạnh; đồng thời phong trào thi đua phải gắn kết với các cuộc vận động lớn của các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương phát động, tạo khí thế thi đua sôi nổi, liên tục trong các cấp, các ngành và các lĩnh vực của đời sống xã hội.

5. Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng các điển hình tiên tiến, gương “Người tốt, việc tốt”. Mỗi cơ quan, đơn vị cần xây dựng và lựa chọn các mô hình tốt, sáng kiến, điển hình tiên tiến tiêu biểu để biểu dương, tôn vinh, tuyên truyền, nhân rộng ở địa phương, ngành, lĩnh vực, cơ quan, đơn vị, tạo sự lan tỏa rộng rãi. Đồng thời tổ chức tốt việc chia sẻ, khởi thi đua, đăng ký giao ước thi đua, nâng cao chất lượng hoạt động cụm, khởi thi đua ở cơ sở, đặc biệt là sinh hoạt chuyên đề để giao lưu, trao đổi, thảo luận và học tập kinh nghiệm lẫn nhau, làm cơ sở cho việc đánh giá sức vươn lên của từng đơn vị, thu hút được nhiều người tham gia tạo thành phong trào thi đua ngày càng sôi nổi và rộng khắp.

6. Nâng cao chất lượng công tác khen thưởng, tổ chức xét khen thưởng phải kịp thời, chặt chẽ, đúng đối tượng, đúng thành tích, công khai, công bằng, dân chủ, đúng quy trình thủ tục, đảm bảo tôn vinh, khen thưởng được chính xác, có tác dụng nêu gương, giáo dục và có sức lan tỏa trong từng cơ quan, đơn vị; đặc biệt là tăng cường công tác phát hiện, khen thưởng cho các tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất

đặc biệt xuất sắc, những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ ở những nơi khó khăn, gian khổ, ở những địa bàn trọng điểm, các xã vùng ven ngoại thành. Chống mọi biểu hiện hình thức, bệnh thành tích trong thi đua, khen thưởng. Quản lý chặt chẽ việc khen thưởng trong sơ kết, tổng kết tránh tình trạng khen thưởng tràn lan, cao bằng. Cấp ủy, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm trong việc đề nghị các hình thức khen; phân đấu giải quyết dứt điểm các tồn đọng về khen thưởng thành tích kháng chiến.

7. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các đoàn thể chính trị và các tổ chức xã hội phối hợp chặt chẽ với chính quyền các cấp, phát huy sức mạnh khối Đại đoàn kết toàn dân trong việc vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp nhân dân thành phố tích cực hưởng ứng và thực hiện phong trào thi đua đạt được hiệu quả thiết thực, để phong trào thi đua yêu nước thực sự là phong trào hành động cách mạng của quần chúng, góp phần tích cực vào phong trào thi đua yêu nước của thành phố.

8 Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng và ban hành các văn bản pháp lý quy định, hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng của thành phố đảm bảo đúng các quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành của các bộ, ban, ngành Trung ương. Cùng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng, nâng cao phẩm chất đạo đức và năng lực của đội ngũ làm công tác thi đua, khen thưởng đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác thi đua, khen thưởng trong giai đoạn cách mạng mới.

9. Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) triển khai, theo dõi việc thực hiện Chỉ thị này; đồng thời có nhiệm vụ phối hợp với các thành viên Hội đồng Thi đua và Khen thưởng thành phố tổ chức kiểm tra, đôn đốc và báo cáo thường xuyên, kịp thời về tình hình triển khai thực hiện phong trào thi đua của các cơ quan, đơn vị; tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố và Hội đồng Thi đua và Khen thưởng thành phố trong việc tổ chức Hội nghị sơ kết, tổng kết phong trào thi đua yêu nước trong năm 2011, giúp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố thẩm định thành tích để xem xét biểu dương, khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng cho những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đóng góp tích cực cho phong trào thi đua yêu nước của thành phố năm 2011; Phối hợp với Ban Tuyên giáo Thành ủy, các sở, ngành, đoàn thể thành phố, cơ quan báo, đài thực hiện công tác tuyên truyền, cổ động phong trào thi đua trên các phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức thích hợp khác.

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này và thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ hàng 6 tháng và tổng kết năm cho Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ))./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: ttcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 14.000 đồng